

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Công ty

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản đầu tư.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông	Trần Thanh Lưu	Thành viên
Bà	Lê Thị Ngọc Thủy	Thành viên
Ông	Lưu Hoàng Long	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 14/05/2012)

Ban kiểm soát

Bà	Trần Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban kiểm soát
Bà	Hà Thị Phương	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Trãi	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông	Nguyễn Văn Thành	Giám đốc
Ông	Trần Minh Đức	Phó Giám đốc
Ông	Phan Cao Hiệp	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

0448
ĐỒNG
NHIỆM
BĐC
T N
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

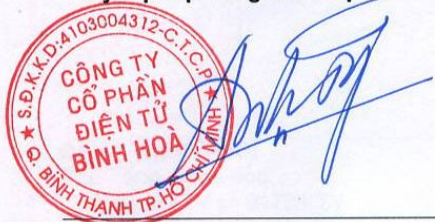
Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN ANH DŨNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Số: 000195HCM/39.12(sx)

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của công tác soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không có chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết quả của công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012



TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.504.595.054	30.355.426.957
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.527.454.646	957.953.065
Tiền	111		4.527.454.646	957.953.065
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		15.536.408.441	15.453.307.867
Phải thu khách hàng	131	4.2	12.533.791.836	11.263.075.273
Trả trước cho người bán	132	4.3	1.244.137.498	1.823.078.359
Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.758.479.107	2.367.154.235
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	4.5	9.246.929.416	13.770.312.738
Hàng tồn kho	141		9.379.065.657	14.061.745.965
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(132.136.241)	(291.433.227)
Tài sản ngắn hạn khác	150		193.802.551	173.853.287
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.761.631	58.936.380
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	-	114.916.907
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		3.540.920	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		151.500.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.458.137.411	6.203.875.198
Tài sản cố định	220		3.443.037.987	4.011.990.129
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	3.359.810.078	3.928.762.220
Nguyên giá	222		23.480.332.782	23.463.605.509
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.120.522.704)	(19.534.843.289)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228	4.7	127.708.107	127.708.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(127.708.107)	(127.708.107)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		83.227.909	83.227.909
Bất động sản đầu tư	240	4.8	821.327.806	975.173.364
Nguyên giá	241		6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.390.630.137)	(5.236.784.579)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.9	956.500.000	956.500.000
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000	510.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		446.500.000	446.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		237.271.618	260.211.705
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	237.271.618	260.211.705
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		34.962.732.465	36.559.302.155

D.03
 C
 TRÁCH
 VI
 VI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.952.547.429	2.022.848.159
Nợ ngắn hạn	310		1.878.585.976	1.954.438.159
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.11	249.227.641	61.000.000
Người mua trả tiền trước	313		-	204.891.278
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.12	235.430.134	456.187.308
Phải trả công nhân viên	315		-	-
Chi phí phải trả	316		256.394.006	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.13	687.635.097	1.012.445.628
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.14	449.899.098	219.913.945
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		73.961.453	68.410.000
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		68.410.000	68.410.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.551.453	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.010.185.036	34.536.453.996
Vốn chủ sở hữu	410	4.15	33.010.185.036	34.536.453.996
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.758.068.050	1.571.317.902
Quỹ dự phòng tài chính	418		458.851.690	274.310.406
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.793.265.296	3.690.825.688
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		34.962.732.465	36.559.302.155

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	30/06/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	30.303.506	30.303.506
Ngoại tệ các loại (USD)	147.168,70	141.587,31
Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN THÀNH

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

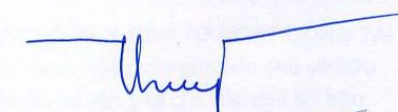
48992
CÔNG TY
V HỒU
10
NAM
10 C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		50.066.192.179	49.349.812.874
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	50.066.192.179	49.349.812.874
Giá vốn hàng bán	11	5.2	41.060.460.900	41.888.803.184
Lợi nhuận gộp	20		9.005.731.279	7.461.009.690
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	333.714.713	2.521.040.969
Chi phí tài chính	22	5.4	342.945.930	1.072.260.322
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.5	2.178.386.860	1.403.012.662
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	4.658.697.067	5.025.038.940
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.159.416.135	2.481.738.735
Thu nhập khác	31	5.7	263.831.006	348.977.097
Chi phí khác	32	5.8	202.619.670	77.861.850
Lợi nhuận khác	40		61.211.336	271.115.247
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.220.627.471	2.752.853.982
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	427.362.175	512.899.491
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.793.265.296	2.239.954.491
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	618	772



LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

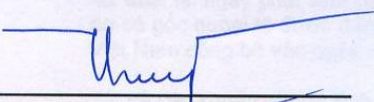


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.220.627.471	2.752.853.982
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	739.524.973	965.578.710
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(159.296.986)	408.435.409
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(333.714.713)	(389.783.477)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.467.140.745	3.737.084.624
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	71.913.395	1.875.025.834
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.682.680.308	403.023.931
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(51.725.837)	(2.100.351.094)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	43.114.836	(754.469.541)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(675.922.221)	(872.416.752)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	28.710.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(189.549.103)	(287.898.938)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.347.652.123	2.028.708.064
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(16.727.273)	(12.931.818)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	289.454.545
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	138.576.731	100.328.932
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	121.849.458	376.851.659
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	3.569.501.581	(494.440.277)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	957.953.065	4.238.667.915
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	4.527.454.646	3.744.227.638


LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VBH.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, hoạt động chính của Công ty là : sản xuất, gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản đầu tư.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 698 người (vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 729 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí phát sinh và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ (tháng).

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

3.8 Đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm kể từ khi phát sinh.

3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm (năm 2006 và năm 2007), và được giảm 50% số thuế phải nộp cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2012).

3.13 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty đã thuyết minh thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại mục 5.1 và 5.2.

3.14 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số 8.1.

4899
G TY
V HỮU
JO
NAM
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ	376.851.852	321.540.864
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	1.079.191.604	38.425.324
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	3.071.411.190	597.986.877
	<u>4.527.454.646</u>	<u>957.953.065</u>

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bằng USD vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 147.168,7 USD tương đương 3.071.411.190 đồng.

4.2 Các khoản phải thu thương mại

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khách hàng trong nước - VND	6.346.523.720	5.619.230.675
Phải thu khách hàng nước ngoài - USD	6.187.268.116	5.643.844.598
	<u>12.533.791.836</u>	<u>11.263.075.273</u>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, trong số dư phải thu thương mại bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 296.761,69 USD tương đương 6.187.268.116 VND.

4.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Trả trước người bán trong nước - VND	986.445.600	554.397.600
Trả trước người bán nước ngoài - USD	257.691.898	1.268.680.759
	<u>1.244.137.498</u>	<u>1.823.078.359</u>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, trong số dư trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước có gốc ngoại tệ là 13.529,03 USD tương đương 257.691.898 VND.

4.4 Các khoản phải thu khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu của Tecco	1.602.658.918 (*)	2.002.658.918
Phải thu của Lambda	3.096.225	3.959.819
Phải thu của Tohozinc	61.756.321	151.444.012
Phải thu tiền BHXH	90.967.643	209.091.486
	<u>1.758.479.107</u>	<u>2.367.154.235</u>

(*) Đây là khoản tiền ứng cho Công ty Tecco thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, nhưng đến nay hợp đồng này đã thanh lý và đang thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.5 Hàng tồn kho

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên vật liệu	8.940.346.199	12.250.258.013
Công cụ, dụng cụ	438.719.458	495.160.352
Thành phẩm	-	1.316.327.600
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9.379.065.657	14.061.745.965
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(132.136.241)	(291.433.227)
Giá trị thuần	9.246.929.416	13.770.312.738

4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2012	16.497.634.749	3.015.664.740	2.262.197.296	1.688.108.724	23.463.605.509
Tăng trong kỳ	-	-	-	16.727.273	16.727.273
Vào ngày 30/06/2012	16.497.634.749	3.015.664.740	2.262.197.296	1.704.835.997	23.480.332.782
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2012	13.035.937.922	2.682.933.850	2.169.748.568	1.646.222.949	19.534.843.289
Khấu hao trong kỳ	441.322.000	98.026.530	33.747.673	12.583.212	585.679.415
Vào ngày 30/06/2012	13.477.259.922	2.780.960.380	2.203.496.241	1.658.806.161	20.120.522.704
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2012	3.461.696.827	332.730.890	92.448.728	41.885.775	3.928.762.220
Vào ngày 30/06/2012	3.020.374.827	234.704.360	58.701.055	46.029.836	3.359.810.078
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					7.702.392.337

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND	Phần mềm quản lý vật tư VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2012	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Vào ngày 30/06/2012	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2012	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Vào ngày 30/06/2012	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2012	-	-	-
Vào ngày 30/06/2012	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.8 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2012	6.211.957.943
Vào ngày 30/06/2012	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2012	5.236.784.579
Khấu hao trong kỳ	153.845.558
Vào ngày 30/06/2012	5.390.630.137
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2012	975.173.364
Vào ngày 30/06/2012	821.327.806

4.9 Đầu tư dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh	510.000.000 (a)	510.000.000
Công ty CP Đầu tư XD và Ứng dụng CN Mới Tecco	446.500.000 (b)	446.500.000
	956.500.000	956.500.000

(a) Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001194 ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Hoạt động chính của công ty này là sản xuất linh kiện điện tử và vốn điều lệ đăng ký là 5.000.000.000 đồng, trong đó Công ty phải góp 51% tương ứng 2.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty đã góp 510.000.000 đồng đạt 20% của số vốn mà Công ty phải góp; và chỉ đạt 30% trên tổng số vốn mà các cổ đông đã góp vào công ty này (1.699.000.000 đồng).

(b) Khoản góp vốn đầu tư vào dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Ứng Dụng Công Nghệ Mới (TECCO). Đây là khoản ứng trước theo thỏa thuận của Hợp đồng nguyên tắc, chưa xác định tổng số tiền phải góp và tiền độ góp vốn, đến thời điểm này dự án chưa triển khai xây dựng.

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	232.803.868	241.480.455
Phí duy trì tên miền	-	18.731.250
Khác	4.467.750	-
	237.271.618	260.211.705

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn		6 tháng đầu năm 2012 VND	Năm 2011 VND		
	Số dư đầu kỳ	260.211.705	332.076.209		
	Phát sinh tăng trong kỳ	129.044.585	241.158.246		
	Phân bổ trong kỳ	(151.984.672)	(313.022.750)		
	Số dư cuối kỳ	237.271.618	260.211.705		
4.11	Phải trả người bán	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND		
	Phải trả người bán trong nước	249.227.641	61.000.000		
		249.227.641	61.000.000		
4.12	Thuế	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND		
	<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ</i>				
	Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	114.916.907		
	Tiền thuế đất nộp thừa	3.540.920	-		
		3.540.920	114.916.907		
	<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>				
	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	20.294.332	-		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	207.627.261	456.187.308		
	Thuế thu nhập cá nhân	7.508.541	-		
		235.430.134	456.187.308		
4.13	Phải trả khác	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND		
	Kinh phí công đoàn	316.004.150	193.160.056		
	Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	352.345.375	-		
	Phải trả chi phí cổ phần hoá	19.285.572	19.285.572		
	Phải trả khác	-	800.000.000		
		687.635.097	1.012.445.628		
4.14	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số dư đầu kỳ VND	Trích quỹ VND	Chi quỹ VND	Số dư cuối kỳ VND
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	219.913.945	419.534.256	(189.549.103)	449.899.098
		219.913.945	419.534.256	(189.549.103)	449.899.098

44896
 NG T
 HIỆM HỮ
 ĐO
 T N
 HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.15 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2011	29.000.000.000	1.457.732.151	161.310.406	3.771.271.938	34.390.314.495
Lãi trong năm	-	-	-	3.690.825.688	3.690.825.688
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	113.585.751	113.000.000	(226.585.751)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(644.686.187)	(644.686.187)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
Số dư 31/12/2011	29.000.000.000	1.571.317.902	274.310.406	3.690.825.688	34.536.453.996
Năm nay					
Số dư 01/01/2012	29.000.000.000	1.571.317.902	274.310.406	3.690.825.688	34.536.453.996
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.793.265.296	1.793.265.296
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	186.750.148	184.541.284	(371.291.432)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(419.534.256)	(419.534.256)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
Số dư 30/06/2012	29.000.000.000	1.758.068.050	458.851.690	1.793.265.296	33.010.185.036

Công ty đã trích lập các quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2012 ngày 14 tháng 5 năm 2012.

Vốn đầu tư chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 17 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 29.000.000.000 đồng được chia thành 2.900.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	46.900.329.442	47.007.416.336
- <i>Nội địa</i>	19.400.077.609	16.203.551.017
- <i>Xuất khẩu</i>	27.500.251.833	30.803.865.319
Doanh thu cho thuê bất động sản	2.139.710.529	1.678.205.085
Doanh thu bán vật tư	607.338.824	219.222.141
Doanh thu bán phế liệu	50.739.583	66.825.169
Doanh thu cung cấp dịch vụ	345.073.801	378.144.143
Doanh thu bán hàng hóa	23.000.000	-
Doanh thu thuần bán hàng hóa và dịch vụ	50.066.192.179	49.349.812.874

5.2 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Giá vốn thành phẩm	40.089.192.642	40.356.832.847
- <i>Nội địa</i>	18.676.699.128	15.627.659.600
- <i>Xuất khẩu</i>	21.334.628.311	24.729.173.247
Giá vốn bất động sản	658.488.550	810.240.802
Giá vốn bán vật tư	449.331.240	123.876.999
Giá vốn hàng hóa	22.745.454	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	189.417.127
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(159.296.986)	408.435.409
	41.060.460.900	41.888.803.184

Trong đó, giá vốn thành phẩm bao gồm:

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	15.598.059.948	19.083.325.869
Chi phí nhân công	17.050.870.038	16.355.109.664
Chi phí khấu hao	467.558.770	513.391.347
Các chi phí khác	5.656.376.286	5.054.892.341
Cộng : tồn kho thành phẩm đầu kỳ	1.316.327.600	85.490.333
Trừ : tồn kho thành phẩm cuối kỳ	-	(735.376.707)
	40.089.192.642	40.356.832.847

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.146.244	28.928.93
Cổ tức	71.400.000	71.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	247.168.469	2.420.712.037
	333.714.713	2.521.040.969

5.4 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	342.945.930	1.072.260.322
	342.945.930	1.072.260.322

5.5 Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí vật liệu bao bì	1.604.983.941	865.403.871
Chi phí xuất hàng	367.662.451	366.704.245
Chi phí quảng cáo	205.714.228	169.989.546
Chi phí khác	26.240	915.000
	2.178.386.860	1.403.012.662

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	2.632.460.086	2.836.322.898
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.583.486	195.520.901
Chi phí khấu hao	118.120.645	221.402.593
Tiền thuê đất	524.627.998	595.305.573
Thuế, phí và lệ phí	91.383.018	86.606.233
Chi phí khác	1.137.521.834	1.089.880.742
	4.658.697.067	5.025.038.940

5.7 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Thanh lý tài sản	-	315.454.545
Thu tiền đền bù vật tư	263.831.006	33.522.552
	263.831.006	348.977.097

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

5.8 Chi phí khác	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi đền bù, bồi thường	125.519.670	51.100.000
Chi thù lao Hội đồng quản trị	77.100.000	26.000.000
Chi phí khác	-	761.850
	202.619.670	77.861.850
5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	2.220.627.471	2.752.853.982
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận khi xác định lợi nhuận tính thuế	(87.329.156)	(328.217.027)
Thu nhập không chịu thuế	(71.400.000)	(71.400.000)
Chênh lệch tạm thời do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(53.729.156)	(307.917.027)
Chi phí không được khấu trừ	37.800.000	51.100.000
Lợi nhuận chịu thuế trong đó:	2.133.298.315	2.424.636.955
Lợi nhuận chịu thuế suất 25%	2.133.298.315	1.802.905.302
Lợi nhuận chịu thuế suất 20%	-	621.731.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận chịu thuế		
Thuế thu doanh nghiệp phải nộp	533.324.580	575.072.656
Thuế thu nhập được ưu đãi theo dự án (25%x50%)	(81.509.542)	(62.173.165)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	(24.452.863)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	427.362.175	512.899.491
<p>(*) Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012, do thỏa mãn điều kiện là doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất gia công linh kiện điện, điện tử theo Nghị quyết số 29/2012-QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012.</p>		
5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.793.265.296	2.239.954.491
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	618	772

0300
 CÔNG
 CH NH
 BL
 TẾT
 TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

5.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	18.673.167.741	20.103.834.400
Chi phí nhân viên	19.892.505.857	19.191.432.562
Chi phí khấu hao	739.524.973	965.578.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.922.712.932	3.020.407.120
Chi phí khác bằng tiền	5.669.633.324	5.035.601.994
	<u>47.897.544.827</u>	<u>48.316.854.786</u>

6. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3. Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro đáng kể liên quan đến rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.527.454.646	957.953.065	4.527.454.646	957.953.065
Phải thu khách hàng	12.533.791.836	11.263.075.273	12.533.791.836	11.263.075.273
Phải thu khác	3.002.616.605	4.190.232.594	3.002.616.605	4.190.232.594
	<u>20.063.863.087</u>	<u>16.411.260.932</u>	<u>20.063.863.087</u>	<u>16.411.260.932</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	249.227.641	61.000.000	249.227.641	61.000.000
Phải trả khác	1.703.319.788	1.961.848.159	1.703.319.788	1.961.848.159
	<u>1.952.547.429</u>	<u>2.022.848.159</u>	<u>1.952.547.429</u>	<u>2.022.848.159</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty điện tử tin học Việt Nam	Cổ đông chi phối (công ty mẹ)
Công ty CP TM DV Bình Minh	Công ty con
Công ty cổ phần Công nghệ mới	Cổ đông

Trong kỳ tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	Cho thuê kho xưởng	64.290.000
	Thu cổ tức	71.000.000
Công ty CP Công nghệ Mới	Thu tiền cho vay	400.000.000

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	Phải trả chi phí bàn giao công ty Nhà nước sang công ty cổ phần	(19.285.572)
Công ty CP Công nghệ Mới	Phải thu tiền thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh và lãi trả chậm	1.602.658.918

8.2. Tiền lương trả cho Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát như sau:

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lương Ban Giám đốc	238.332.000	247.490.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	37.800.000	51.100.000
	276.132.000	298.590.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

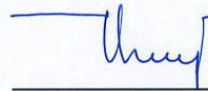
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

8.3. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Trong vòng 1 năm VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TP.HCM	1.669.377.240	6.677.508.960	5.842.820.340	14.189.706.540
Khu công nghiệp Hố Nai, tỉnh Đồng Nai	232.569.822	930.279.288	7.414.325.922	8.577.175.031
	1.901.947.062	7.607.788.248	13.257.146.262	22.766.881.571



LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng





NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012



BDO VIET NAM

Ho Chi Minh City Head Office
Indochina Park Tower
4 Nguyen Dinh Chieu City, 2/F
District 1, Ho Chi Minh City
Tel.: +84 8 22200237
Fax: +84 8 22200265
Email: bdo.hcmc@bdo.vn

www.e-bdo.com/vietnam

Hanoi Office
93/B1 Cau Giay Street
Quan Hoa Ward
Cau Giay District, Hanoi
Tel.: +84 4 37670657 / 37670658
Fax: +84 4 37670555
Email: bdo.hn@bdo.vn

www.e-bdo.com/vietnam

Can Tho Office
237A5 30 Thang 4 Street
Hung Loi Ward
Ninh Kieu District, Can Tho City
Tel.: +84 710 3827888
Fax: +84 710 3823209
Email: bdo.ct@bdo.vn

www.e-bdo.com/vietnam

BDO Vietnam Co., Ltd., a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the international BDO network of independent member firms.